

Số: 70638/CT-TTHT
V/v hướng dẫn về chính sách
thuế nhà thầu

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2018

Kính gửi: Văn phòng đại diện JFE tại Hà Nội.
(Địa chỉ: Phòng 1303, Tầng 13, Tòa nhà Prime Centre, 53 Phố Quang Trung
Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội – MST: 0105197836)

Trả lời công văn số JFEVN/CV/201810-11 ghi ngày 11/10/2018 của Văn phòng đại diện JFE tại Hà Nội (sau đây gọi tắt là đơn vị) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

+ Tại Điều 1 hướng dẫn đối tượng áp dụng như sau:

"Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.

..."

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

+ Tại Điều 2 hướng dẫn đối tượng chịu thuế GTGT như sau:

"Điều 2. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này.

+ Tại Điều 4 hướng dẫn đối tượng không chịu thuế GTGT.

+ Tại Điều 8 hướng dẫn thời điểm xác định thuế GTGT như sau:

"Điều 8. Thời điểm xác định thuế GTGT



1. Đối với bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

..."

+ Tại Điều 9 quy định thuế suất 0% như sau:

"Điều 9. Thuế suất 0%

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là hàng hoá, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật

..."

- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

+ Tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

+ Tại Khoản 7 Điều 3 sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau :

"7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 16 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) như sau:

"b) Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hoá luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất).""

Căn cứ quy định trên, do đơn vị chưa ký hợp đồng, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp Đơn vị bán hàng hóa dùng cho sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng ở Việt Nam thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 26/2015/TT-BTC, Thông tư số 130/2016/TT-BTC, Thông tư số 25/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính) và không thuộc trường

hợp được áp dụng thuế suất GTGT 0% theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Khi chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua Đơn vị thực hiện lập hóa đơn theo quy định.

Nội dung vướng mắc liên quan đến thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế xuất khẩu đề nghị đơn vị liên hệ với cơ quan Hải quan để được hướng dẫn.

Cục Thuế TP Hà Nội thông báo Văn phòng đại diện JFE tại Hà Nội được biết và thực hiện. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TNCN;
- Phòng Pháp chế
- Lưu: VT, TTHT(2). (6,8)



Mai Sơn